

Số: 1098 /QĐ-ĐHNL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng trường về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2812/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ vào biên bản đề nghị xét tốt nghiệp các Khoa liên quan;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng thạc sĩ cho **98 (chín mươi tám)** học viên cao học khóa 2023 và 2024, hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

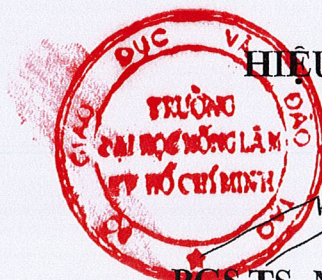
(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Học viên có tên tại Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp thạc sĩ sau khi hoàn tất các thủ tục theo quy định của trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trưởng Phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và những học viên có tên tại Điều 01 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Vụ Giáo dục Đại học;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC TỐT NGHIỆP

Cơ sở Đào tạo: Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh

(kèm theo Quyết định số 1098 /QĐ-ĐHNL ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng trường ĐHNL)

TT	Họ và tên	Đức	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Số, ngày QĐ trúng tuyển	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp văn bằng
1	Nguyễn Công Đức	Đức	Nam	18/09/1980	Bến Tre	586/QĐ-ĐHNL-SDH ngày 13/03/2023	BVTV	MNLU.23.26.001
2	Nguyễn Nhựt Khang	Khang	Nam	05/05/1999	Bến Tre		BVTV	MNLU.23.26.002
3	Nguyễn Tuyết Kiều Diễm	Diễm	Nữ	22/06/1997	Đồng Nai		CN	MNLU.23.26.003
4	Nguyễn Thị Hồng Nhi	Nhi	Nữ	19/02/1995	Đồng Tháp		CNSH	MNLU.23.26.004
5	Tất Huỳnh Yên Phụng	Phụng	Nữ	08/10/1997	Sóc Trăng		KHCT	MNLU.23.26.005
6	Hồ Mạnh Hà	Hà	Nam	05/07/1980	TP. Hồ Chí Minh		LH	MNLU.23.26.006
7	Trần Hải Hiếu	Hiếu	Nam	28/02/1999	Tây Ninh		LH	MNLU.23.26.007
8	Phạm Thành Thật	Thật	Nam	18/07/1996	TP. Hồ Chí Minh		LH	MNLU.23.26.008
9	Trương Quốc Việt	Việt	Nam	11/03/1991	TP. Hồ Chí Minh		LH	MNLU.23.26.009
10	Bùi Thị Ngọc Phỉ	Phỉ	Nữ	01/01/1983	Long An		NTTS	MNLU.23.26.010
11	Huỳnh Hữu Hưng	Hưng	Nam	03/08/1983	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.26.011
12	Phạm Nguyễn Tuấn Huy	Huy	Nam	28/06/1999	Bình Dương		QLDD	MNLU.23.26.012
13	Sử Chí Khanh	Khanh	Nam	24/03/2888	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.26.013
14	Lê Thị Quỳnh Như	Như	Nữ	20/03/1999	TP. Hồ Chí Minh		QLDD	MNLU.23.26.014
15	Trần Thị Hồng Nhung	Nhung	Nữ	06/04/1999	Tây Ninh		QLDD	MNLU.23.26.015
16	Trần Thị Tuyết Nữ	Nữ	Nữ	18/10/1995	Tây Ninh		QLDD	MNLU.23.26.016
17	Lê Minh Quân	Quân	Nam	05/10/1996	TP. Hồ Chí Minh		QLDD	MNLU.23.26.017
18	Nguyễn Ngọc Thắm	Thắm	Nữ	14/10/1999	Long An		QLDD	MNLU.23.26.018
19	Châu Minh Thiện	Thiện	Nam	09/11/1996	Tiền Giang		QLDD	MNLU.23.26.019
20	Hà Văn Thực	Thực	Nam	02/01/1988	Tây Ninh		QLDD	MNLU.23.26.020
21	Trần Nguyễn Hoài Thương	Thương	Nữ	27/10/1998	Tiền Giang		QLDD	MNLU.23.26.021
22	Lê Thị Mỹ Thuyền	Thuyền	Nữ	03/08/1999	Bình Dương		QLDD	MNLU.23.26.022
23	Võ Trung Tín	Tín	Nam	26/09/1995	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.26.023
24	Trần Quốc Trạng	Trạng	Nam	15/11/1982	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.26.024
25	Cao Phương Uyên	Uyên	Nữ	01/03/1981	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.26.025
26	Huỳnh Phú Đức	Đức	Nam	08/08/1997	Long An		QLTNMT	MNLU.23.26.026
27	Trần Hoàng	Hoàng	Nam	22/02/1991	TP. Hồ Chí Minh		QLTNMT	MNLU.23.26.027
28	Nguyễn Thành Trung	Trung	Nam	04/12/1979	TP. Hồ Chí Minh		QLTNMT	MNLU.23.26.028
29	Nguyễn Phúc Vinh	Vinh	Nam	04/04/1997	Vĩnh Long		QLTNMT	MNLU.23.26.029
30	Nguyễn Quang Khánh	Khánh	Nam	15/02/1995	TP. Hồ Chí Minh		TY	MNLU.23.26.030
31	Hà Thúc Nhật	Nhật	Nam	23/05/1999	Bình Định		TY	MNLU.23.26.031
32	Trần Thị Hải Ninh	Ninh	Nữ	19/03/1993	Nghệ An		TY	MNLU.23.26.032
33	Dường Cầu Phúc	Phúc	Nam	15/06/1990	Đồng Nai		TY	MNLU.23.26.033
34	Nghị Quốc Thái	Thái	Nam	10/06/1991	Sóc Trăng		TY	MNLU.23.26.034

35	Trần Thị Hồng	Đào	Nữ	22/09/1995	Bình Thuận	BVTV	MNLU.23.26.035
36	Kiều Văn	Dũng	Nam	28/02/1990	Hà Tĩnh	BVTV	MNLU.23.26.036
37	Nguyễn Thị Trúc	Nghi	Nữ	06/04/2000	Tiền Giang	BVTV	MNLU.23.26.037
38	Huỳnh Thường	Vương	Nam	01/02/2001	Long An	BVTV	MNLU.23.26.038
39	Phạm Công	Hải	Nam	02/07/1994	Đắk Lắk	CN	MNLU.23.26.039
40	Lê Thị	Hằng	Nữ	02/11/1989	Đồng Nai	CN	MNLU.23.26.040
41	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	07/10/1999	Long An	CN	MNLU.23.26.041
42	Kiều Thị Giang	Oanh	Nữ	15/06/1992	Đắk Lắk	CN	MNLU.23.26.042
43	Nguyễn Dương Hoàng	Vinh	Nam	28/10/1999	Tiền Giang	CNSH	MNLU.23.26.043
44	Đặng Xuân	Đài	Nam	03/03/2000	Đắk Lắk	KHCT	MNLU.23.26.044
45	Nguyễn Thị Hồng	Loan	Nữ	02/08/1988	Long An	KHCT	MNLU.23.26.045
46	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	23/12/1999	Tiền Giang	KHCT	MNLU.23.26.046
47	Phạm Thị Hồng	Thuận	Nữ	03/01/2000	Bà Rịa-Vũng Tàu	KHCT	MNLU.23.26.047
48	Nguyễn Xuân	Tuân	Nam	27/10/2001	Đồng Nai	KTCBLS	MNLU.23.26.048
49	Phạm Quang	Hải	Nam	28/07/1984	Bắc Ninh	KTCK	MNLU.23.26.049
50	Nguyễn Hoàng	Hiệp	Nam	23/05/1990	Hà Nam	KTCK	MNLU.23.26.050
51	Hoàng Minh	Hùng	Nam	10/10/1977	Quảng Bình	KTCK	MNLU.23.26.051
52	Phạm Thị Mai	Khanh	Nữ	12/03/1984	Quảng Ngãi	KTCK	MNLU.23.26.052
53	Trương Thanh	Quý	Nam	24/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	KTCK	MNLU.23.26.053
54	Hồ Đắc Hiền	Triết	Nam	27/10/1977	Thừa Thiên -Huế	KTCK	MNLU.23.26.054
55	Võ Đình	Trưởng	Nam	02/02/1994	Quảng Ngãi	KTCK	MNLU.23.26.055
56	Phạm Thành	Vinh	Nam	07/11/2000	Bình Định	KTCK	MNLU.23.26.056
57	Nguyễn Ngọc	Anh	Nam	02/06/1992	Thanh Hoá	LH	MNLU.23.26.057
58	Hà Thái	Bảo	Nam	20/01/1999	Kon Tum	LH	MNLU.23.26.058
59	Nguyễn Hồng	Châu	Nam	28/09/1985	Tây Ninh	LH	MNLU.23.26.059
60	Phan Thị	Dung	Nữ	24/03/1988	Hà Tĩnh	LH	MNLU.23.26.060
61	Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	11/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	LH	MNLU.23.26.061
62	Đặng Văn	Huỳnh	Nam	05/03/1985	Bình Định	LH	MNLU.23.26.062
63	Huỳnh Thị Kiều	Khuong	Nữ	17/03/1990	Tây Ninh	LH	MNLU.23.26.063
64	Nguyễn Văn	Linh	Nam	10/07/1986	Bắc Giang	LH	MNLU.23.26.064
65	Trần Hồng Hiếu	Minh	Nữ	18/02/2000	Cà Mau	LH	MNLU.23.26.065
66	Nguyễn Khoa	Nguyên	Nam	01/01/1976	TP. Hồ Chí Minh	LH	MNLU.23.26.066
67	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	Nữ	30/09/1989	Tây Ninh	LH	MNLU.23.26.067
68	Trần Nam	Phương	Nam	09/01/1999	Kon Tum	LH	MNLU.23.26.068
69	Trần Quang	Quy	Nam	13/10/1995	Cà Mau	LH	MNLU.23.26.069
70	Nguyễn Anh	Thắm	Nam	25/03/1988	Tây Ninh	LH	MNLU.23.26.070
71	Cao Hoàng	Tính	Nam	10/09/1989	Tây Ninh	LH	MNLU.23.26.071
72	Nguyễn Thị Mỹ	Vân	Nữ	15/04/1985	Tây Ninh	LH	MNLU.23.26.072
73	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	23/07/1981	Tây Ninh	LH	MNLU.23.26.073
74	Bùi Văn	Võ	Nam	05/02/1997	Tây Ninh	LH	MNLU.23.26.074
75	Lý Gia	Huy	Nam	28/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	QLKT	MNLU.23.26.075
76	Phan Thị Minh	Khuê	Nữ	06/06/2001	An Giang	QLKT	MNLU.23.26.076
77	Lý Hoàng	Phúc	Nam	10/02/2001	Đồng Nai	QLKT	MNLU.23.26.077
78	Bùi Thị Minh	Quý	Nữ	02/09/1984	Đồng Nai	QLKT	MNLU.23.26.078
79	Lê Mạnh	Tân	Nam	11/03/1983	Đồng Nai	QLKT	MNLU.23.26.079
80	Nguyễn Thái	Bình	Nam	18/09/1994	Tiền Giang	QLTNMT	MNLU.23.26.080
81	Nguyễn Thị	Hoang	Nam	29/09/1994	Bình Định	TY	MNLU.23.26.081
82	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	07/02/1980	Hà Nội	TY	MNLU.23.26.082

5083/QĐ-ĐHNL-SDH ngày 21/12/2023



83	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	13/07/1994	TP. Hồ Chí Minh	3526/QĐ-ĐHNL-SDH ngày 21/08/2024	KTCK	MNLU.24.26.083
84	Bùi Hữu	Nghĩa	Nam	31/05/1995	Khánh Hoà		KTCK	MNLU.24.26.084
85	Nguyễn Xuân	Thọ	Nam	11/12/1998	Đồng Nai		KTCK	MNLU.24.26.085
86	Lê Thị Ngọc	Lắm	Nữ	18/07/1997	Bình Định		LH	MNLU.24.26.086
87	Trương Văn	Nhì	Nam	01/01/1988	Bạc Liêu		LH	MNLU.24.26.087
88	Trần Tuấn	Anh	Nam	20/02/2002	Bình Phước		QLKT	MNLU.24.26.088
89	Đoàn Thị Việt	Hiền	Nữ	26/03/1997	Bình Định		QLKT	MNLU.24.26.089
90	Trần Thị Thảo	Ngân	Nữ	21/05/1996	Đắk Lắk		QLKT	MNLU.24.26.090
91	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	26/03/1988	Hà Tĩnh		QLKT	MNLU.24.26.091
92	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	05/03/1989	Ninh Thuận		QLKT	MNLU.24.26.092
93	Trần Minh	Tri	Nam	12/06/1990	Ninh Thuận	5785/QĐ-ĐHNL ngày 25/12/2024	QLKT	MNLU.24.26.093
94	Võ Văn	Tú	Nam	12/05/1996	Bình Thuận		QLKT	MNLU.24.26.094
95	Nguyễn Khắc	Hòa	Nam	13/09/1974	Ninh Thuận		QLKT	MNLU.24.26.095
96	Nguyễn Thị Thanh	Hôn	Nữ	20/07/1986	Ninh Thuận		QLKT	MNLU.24.26.096
97	Trần Quốc	Huy	Nam	04/10/1994	Ninh Thuận		QLKT	MNLU.24.26.097
98	Đào Huyền	Trung	Nam	05/05/1975	Quảng Trị		QLKT	MNLU.24.26.098

Danh sách gồm 98 học viên 

09/3